

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành
Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25, 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/HS-ST ngày 04/2/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HS ngày 30/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/HSST- QĐ ngày 11/5/2020 và Thông báo dời ngày xét xử ngày 13/5/2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Vũ L(L dê), sinh năm 1992 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: 84B, tổ 7, H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha không xác định, mẹ Nguyễn Thị Minh H (đã chết); có 01 người con sinh năm 2017; tiền án: Bản án phúc thẩm số 180/2011/HSPT ngày 24/10/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đối với bản án số 130/2011/HSST ngày 10/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa). Bản án số 206/2013/HSST ngày 25,26/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm 180/2011/HSPT ngày 24/10/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, hình phạt chấp hành chung là 05 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/02/2016. Bản án số 52/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/9/2007, bị đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 4238/QĐ-UB-NC ngày 12/9/2007 của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa về hành vi trộm cắp tài sản, thời

hạn 24 tháng, chấp hành xong vào ngày 14/9/2009; bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2019 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Số 5 Đ, phường Ph, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha Nguyễn Minh Q, sinh năm 1959; mẹ Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1962; vợ Trần Thị Đ, sinh năm 1987; tiền án: Bản án số 217/2011/HSST ngày 22/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/01/2017; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 24/3/2010, bị Công an tỉnh Khánh Hòa xử phạt hành chính theo Quyết định số 32/QĐ-XLHC với số tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2019 cho đến nay; có mặt.

3. Phạm Trường S (L), sinh năm 1986 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ 20, T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha Phạm C (đã chết), mẹ Huỳnh Thị Q, sinh năm 1952; vợ Phạm Thị Ý N, sinh năm 1982; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: Bản án số 136/2007/HSST ngày 08/11/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/02/2010 (bị cáo chưa bồi thường dân sự cho bị hại); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 238/2012/HSST ngày 27/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/8/2015; bị bắt tạm giam từ ngày 23/12/2019 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trường S: Luật sư Đặng Văn P - Văn phòng luật sư Đặng Văn P thuộc đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Phan Xuân V, sinh năm 1978

Trú tại: Tổ 33, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Ông Phan Đình T, sinh năm 1965

Trú tại: Tổ dân phố Đ1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Võ Tuyết O, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Ông Dương Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Lô số 43, đường C8, khu đô thị V, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

4. Bà Lê Vũ Thùy H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 31, Tr, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Thành C

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 8/6 Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019 Nguyễn Vũ L cùng đồng phạm thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện D, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Vũ L và Phạm Trường S có quen biết nhau ngoài xã hội, biết L hay đi trộm cắp tài sản nên khoảng tháng 2/2019 S dặn L khi nào trộm cắp được xe mô tô loại xe Honda SH thì bán cho S để sử dụng. Khoảng 01 giờ ngày 16/7/2019, Nguyễn Vũ L điều khiển xe mô tô BKS 79H1-250.04 chở đối tượng tên B (chưa xác định thân nhân, lai lịch) từ thành phố N đến địa bàn huyện D để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến thôn T, xã D, huyện D phát hiện nhà ông Phan Xuân V có một xe mô tô Honda SH BKS 79N1- 803.89 của bà Nguyễn Võ Tuyết O dựng trước sân, B phá khóa cổng, L vào trộm xe. Cả hai đẩy xe đi khoảng 300m thì dừng lại, tháo dây bình, nổ máy điều khiển xe về thành phố N, bán cho S với giá 18.000.000 đồng, L và B chia nhau mỗi người 9.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Sau khi mua xe mô tô, Sơn tháo BKS 79N1-803.89 vớt xuống cầu X, thành phố N, đổi với giấy tờ sử dụng đất và một số giấy tờ khác, S mang đến bãi đất trống gần Bến xe phía B, thành phố N đốt cháy. Đến ngày 14/08/2019, biết tin L bị cơ quan Công an bắt về tội “Trộm cắp tài sản” nên S mang xe mô tô BKS 79N1-803.89 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa để giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 57 ngày 16/09/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Diên Khánh, đã kết luận xe mô tô BKS 79N1- 803.89, có giá trị 73.950.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 06/08/2019, Nguyễn Vũ L điều khiển xe mô tô Vison (không rõ biển số) đến nhà trọ của Nguyễn Minh T ở phường N, thành phố N rủ T đi trộm cắp để có tiền mua ma túy sử dụng, T đồng ý. L chở T đi lên huyện D, khi đến tổ dân phố Đ1, thị trấn D, phát hiện trong sân nhà ông Phan Đình T có một xe mô tô Honda SH, màu đỏ - đen, BKS 79D1-401.27, không có người trông coi, T đứng ngoài đường canh gác, L dùng mỏ lết mang theo sẵn phá khóa cổng, vào trong đất trộm xe và cùng T đẩy về N cất giấu, mỏ lết L vớt bên đường. L mở cốp xe mô tô trộm cắp được phát hiện bên trong có số tiền 3.500.000 đồng, L giữ 2.000.000 đồng, đưa cho T 1.500.000 đồng. Do xe không có chìa khóa, cả hai đưa xe đi sửa lại ổ khóa từ, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, cùng nhau mang xe này đến nhà nghỉ D ở số 17/12 đường H, phường V, thành phố N cầm cố cho ông Dương Văn H với giá 40.000.000 đồng, số tiền này cả hai tiêu xài cá nhân hết. Sáng ngày 09/08/2019, ông T phát hiện xe bị mất trộm đang dựng tại nhà nghỉ D nên báo Cơ quan Công an thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 09 tháng 08 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện D đã kết luận: Xe mô tô có BKS 79D1- 401.27, có giá trị là 62.400.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Nguyễn Vũ L, Nguyễn Minh T và Phạm Trường S đã khai nhận hành vi phạm tội.

Đối tượng tên B chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra Công an huyện D tiếp tục điều tra, xác minh khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 04/2/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS; bị cáo Nguyễn Minh T và Phạm Trường S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và bị cáo S; riêng bị cáo T còn áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo L từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù và tổng hợp hình phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 31/8/2018 tại bản án hình sự số 52/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, buộc bị cáo L chấp hành chung hình phạt tù của hai bản án theo quy định pháp luật; bị cáo T từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù; bị cáo S từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù; về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xét; về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 miếng bảo vệ thân xe máy bằng Inox, 01 biển số xe 79N2 - 067.97; 01 xe mô tô Suzuki mang biển số 71B3 - 259.74 (tạm giữ của bị cáo T) đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo S - luật sư Đặng Văn P: Tại phiên tòa không có ý kiến về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã áp dụng đối với bị cáo S; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo S và xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự có thể xử phạt bị cáo S dưới khung hình phạt theo quy định pháp luật.

Bị hại ông Phan Đình T tại phiên tòa trình bày đã nhận lại tài sản bị mất; gia đình bị cáo T đã bồi thường cho ông T số tiền 3.500.000 đồng, ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo L và T; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Các bị cáo L, T, S tại phiên tòa đều thừa nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, không có ý kiến gì liên quan đến nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố; các bị cáo đều xin giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Bị hại ông Phan Xuân V, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Minh T và Phạm Trường S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố. Lời khai nhận trên của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, **đủ cơ sở xác định:** Vào ngày 16/7/2019, bị cáo L có cùng với một đối tượng tên B (chưa xác định nhân thân, lai lịch), trộm cắp 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 79N1- 803.89 tại nhà ông Phan Xuân V ở xã D, huyện D, có trị giá 73.950.000 đồng, sau đó bán lại cho S do S có hứa hẹn trước mua xe SH do L trộm cắp với giá 18.000.000 đồng. Và vào ngày 06/8/2019, bị cáo L tiếp tục cùng với bị cáo T trộm cắp 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 79D1- 401.27, có trị giá 62.400.000 đồng và số tiền mặt 3.500.000 đồng của ông Phan Đình T tại thị trấn D, huyện D. Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nêu trên đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo L đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị tài sản là 139.850.000 đồng (gồm giá trị 02 xe mô tô SH và số tiền mặt 3.500.000 đồng); bản thân bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã tái phạm, chưa xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội trên của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm c “tái phạm nguy hiểm” và điểm g “chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo S và bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo L thuộc trường hợp được quy định tại điểm g “chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000. 000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (trong đó bị cáo S hứa hẹn trước và mua xe mô tô SH do L trộm cắp của ông V có trị giá 73.950.000 đồng; bị cáo T cùng với bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông T gồm xe mô tô SH có trị giá 62.400.000 đồng và số tiền mặt 3.500.000 đồng).

Vì vậy, Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 04/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Minh T và Phạm Trường S về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hành vi, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

- Bị cáo L là người chủ động đề xuất, rủ rê việc đi trộm cắp tài sản của bị hại, bản thân bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản và đem tài sản đi bán, tiêu thụ sau đó. Xét bị cáo đã có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhân thân từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Trong một thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019, bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo liên tiếp, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, cho thấy bị cáo rất ngoan cố, không chịu sửa chữa, tu dưỡng bản thân, lo làm ăn lương thiện, thể hiện sự xem thường pháp luật, kỷ cương của Nhà nước. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt mức hình phạt thật nghiêm khắc, mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo L đang chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 31/8/2018 tại bản án hình sự số 52/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N (tại Quyết định số 60/2019/QĐ-CA ngày 24/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố N), hiện bị cáo chưa thi hành. Nên căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự, cần tổng hợp hình phạt mà bị cáo L chưa chấp hành đối với bản án xét xử ngày hôm nay thành hình phạt chung theo quy định pháp luật.

- Bị cáo T khi nghe bị cáo L rủ rê, đã tích cực hưởng ứng đồng ý cùng L đi trộm cắp tài sản, T làm nhiệm vụ cảnh giới ở bên ngoài, sau đó cùng L đem cất giấu tài sản, thực hiện việc giao dịch thế xe SH do L trộm cắp cho ông Dương Văn H; cùng sử dụng số tiền do L lấy trộm tài sản mà có; bản thân bị cáo từng bị Công an tỉnh Khánh Hòa xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa xóa án tích, nay bị cáo tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Xét bị cáo tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại ông T số tiền 3.500.000 đồng, được bị hại tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm

nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- Bị cáo S tuy không trực tiếp tham gia việc trộm cắp tài sản với L nhưng S có hứa hẹn, dẫn trước với L khi nào trộm cắp được tài sản thì bán cho Sơn, khi L trộm được xe mô tô SH của ông V, S đã mua xe trên của L nên hành vi của S là đồng phạm giúp sức cho hành vi trộm cắp tài sản của L. Bản thân S có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện đến cơ quan điều tra công an đầu thú, giao nộp lại tài sản trộm cắp đã mua của L, được bị hại ông V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo và xem xét mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo L và T, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5]. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo S - luật sư Đặng Văn P: Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo S và xem xét xử bị cáo S dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phan Đình T có mặt tại phiên tòa thừa nhận đã nhận lại xe SH bị mất, được gia đình bị cáo T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng, ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo L và T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại ông Phan Xuân V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Võ Tuyết O, bà Lê Thị Kim S vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Vũ Thùy H, ông Nguyễn Thành C tại hồ sơ vụ án không có yêu cầu gì về biển số xe 79N2-067.97 và biển số xe 71B3 - 259.74 nên Hội đồng xét xử không xem xét; ông Dương Văn H tại hồ sơ vụ án không có yêu cầu gì về số tiền 40.000.000 đồng mà các bị cáo L, T đã nhận của ông H liên quan đến việc cầm thế xe SH của ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Liên quan đến số tiền 3.500.000 đồng mà gia đình bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho ông T, tại phiên tòa bị cáo T không có yêu cầu gì đối với bị cáo L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 miếng bảo vệ thân xe máy bằng Inox (tạm giữ của L), 01 biển số 79N2-067.97 (tạm giữ của bị cáo T), xét các vật trên giá trị không có nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 01 xe mô tô Suzuki màu đỏ trắng, biển số 71B3-259.74, số khung BMSRU- 12042 XA- 43520, số máy F124-143520 (tạm giữ của bị cáo T), xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T nên cần trả lại cho bị cáo T.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo L, T và S mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm vào điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Vũ L;

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Phạm Trường S; riêng bị cáo T căn cứ thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 293, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Vũ L 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự số 52/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo Nguyễn Vũ L chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 31/8/2018, thời hạn tù còn lại được tính từ ngày 10/8/2019.

- Bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày 10/8/2019.

- Bị cáo Phạm Trường S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù được tính từ ngày 23/12/2019.

2. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) miếng bảo vệ thân xe máy bằng Inox và 01(một) biển số 79N2 - 067.97.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) xe mô tô Suzuki màu đỏ trắng, biển số 71B3-259.74, số khung BMSRU- 12042 XA- 43520, số máy F124- 143520.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục thi hành án dân sự huyện D ngày 01/4/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi bị hại ông Phan Xuân V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Võ Tuyết O, bà Lê Thị Kim S và ông Dương Văn H có yêu cầu.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Minh T và Phạm Trường S mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- CA huyện Diên Khánh;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS Diên Khánh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

